

TRUNG TÂM
THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH
Tuần 14 (01-05/4/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

- Mỹ: Thị trường lao động vẫn mạnh mẽ, thất nghiệp giảm như dự báo, thương mại hàng hóa hồi phục nhanh;
- Khu vực EURO: Lạm phát bất ngờ chậm lại, thấp hơn dự báo trong tháng 3
- Thất nghiệp ở mức thấp kỷ lục;
- Nhật Bản: Chỉ số kinh tế dẫn báo tháng 2/2024 tăng lên 111,8 điểm cao nhất kể từ tháng 8/2022, Doanh số bán lẻ tháng 2/2024 tăng vượt dự báo;
- Giá vàng thế giới có tuần tăng mạnh tới 4%; Giá dầu thị trường quốc tế tăng cao nhất 5 tháng;
- FED: Còn quá sớm quyết định hạ lãi suất;
- BOJ: Sắp đạt được mục tiêu lạm phát.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

- Công điện số 32/CĐ-TTg ngày 5/4/2024 gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các giải pháp điều hành tăng trưởng tín dụng năm 2024;
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư: Tăng trưởng kinh tế 2024 từ 6%-6,5%;
- HSBC: Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2024 đạt 6%;
- Lãi suất VND liên ngân hàng có sự phân hóa, và duy trì thấp với kỳ hạn qua đêm.
- Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh theo xu hướng tăng.
- Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **87.324** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.
- Thanh khoản các sản phẩm đạt bình quân 28.935 tỷ đồng/phiên, khối ngoại đã bán ròng trên 3 sản phẩm hơn 2.104 tỷ VND cổ phiếu trên TTCK tuần qua.

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng					Bảng 2. Thị trường mở					
Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y	Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
Qua đêm	3,9	0,18	7,88	-2,3	01/04/2024	28		3/2	500	2,4
1 Tuần	4,22	-2,82	11,61	-11,02	02/04/2024	7		1/1	5.952,27	4
2 Tuần	3,94	-3,67	12,02	-12,62	03/04/2024	7		1/1	2.513,26	4
1 Tháng	4,35	0,96	11,34	-8,58		28		4/1	300	1,9
3 Tháng	4,03	-2,1	10,38	-12,01	04/04/2024	28		3/1	200	2,4
6 Tháng	4,68	3,22	8,84	-7,7	05/04/2024	28		2/2	600	2,7
9 Tháng	5,7	-18,24	31,95	-44,58						

Ghi chú: Ngày áp dụng 04/04/2024

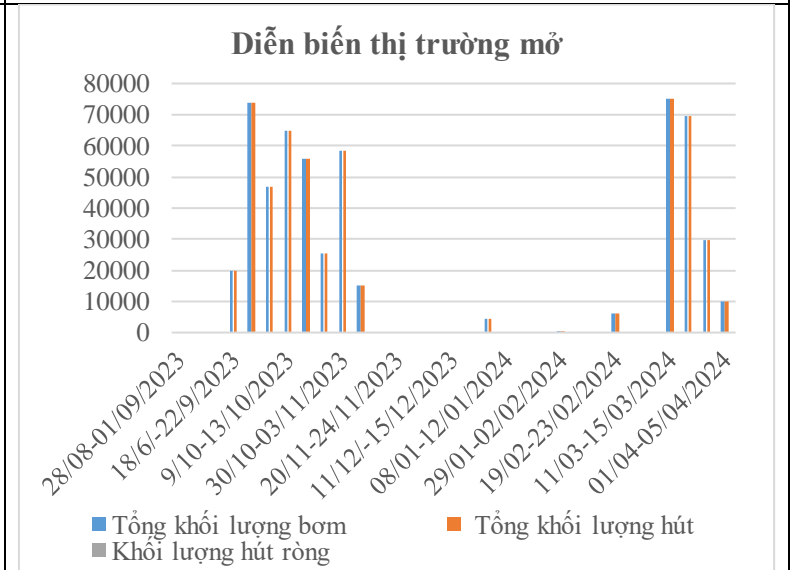
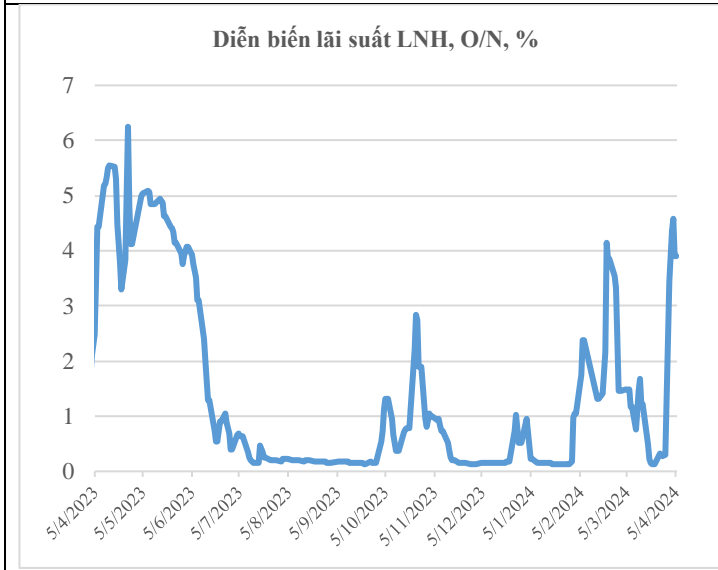
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 14 (01-05/04/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,66		0,71			
Tỷ lệ trúng thầu		66%		49%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	25.250		2.000			
3	7 Năm	3.000		1.000			
4	10 Năm	50.250		6.000			
5	15 Năm	45.250		5.000			
6	20 Năm	3.000		-			
7	30 Năm	6.250		500			
Tổng		133.000		14.500			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	38.266	1,3	2.200	1,5		
3	7 Năm	1.150	2	250	2,45		
4	10 Năm	101.832	2,08	4.101	2,45		
5	15 Năm	65.334	2,28	3.445	2,62		
6	20 Năm	3.770	2,6	-	-		
7	30 Năm	10.015	2,8	350	3		
Tổng		220.367		10.346			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần trước	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	16.750	1,37	2.000	1,5	-	-
3	7 Năm	400	2,02	-	-	-	-
4	10 Năm	35.923	2,15	2.500	2,45	+0,03	+0,3
5	15 Năm	30.866	2,35	2.595	2,65	+0,03	+0,3
6	20 Năm	1.170	2,65	-	-		
7	30 Năm	2.215	2,85	-	-	-	-
Tổng		87.324		7.095			

Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

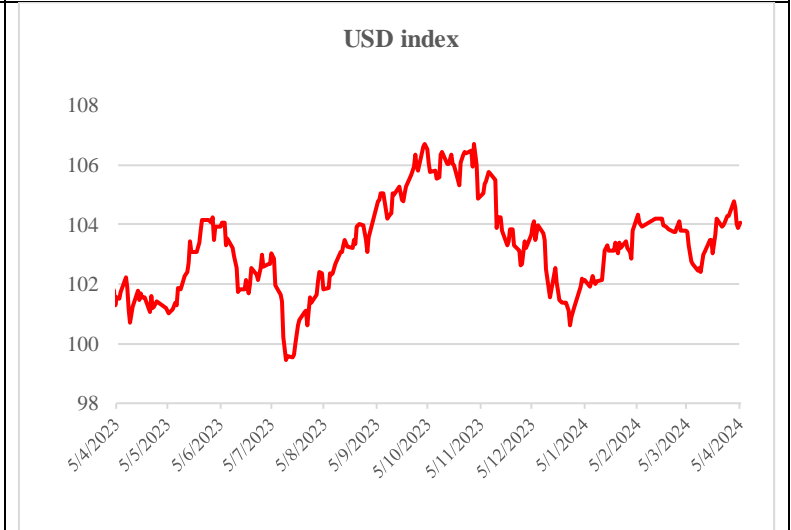
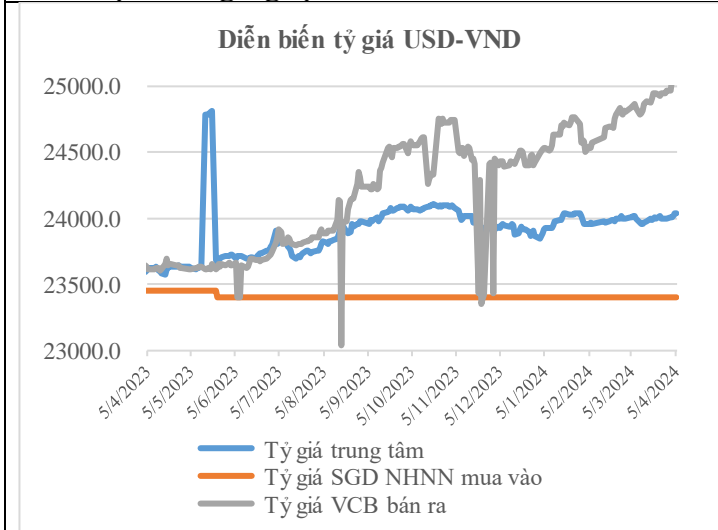
2.1. Thị trường tiền tệ



Nguồn: NHNN

Nguồn: NHNN

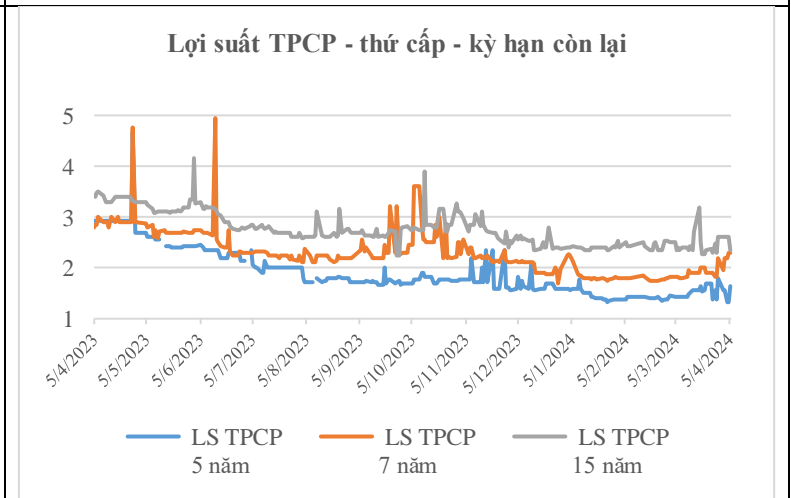
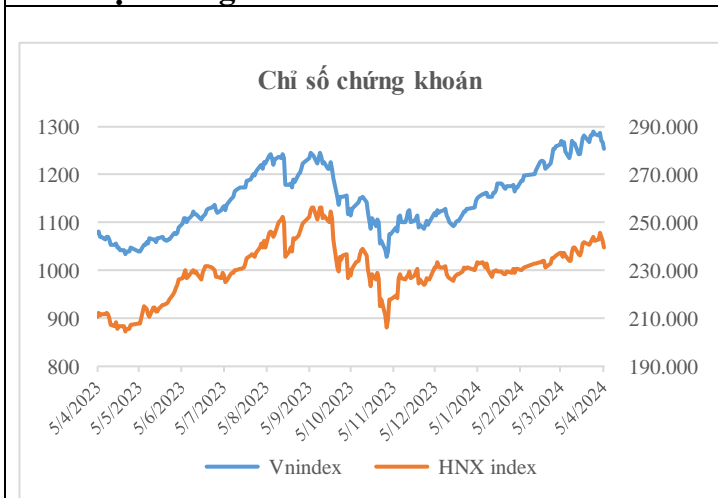
2.2. Thị trường ngoại hối



Nguồn: NHNN

Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 14 (01-05/4/2024)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	01/05/2024
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	14/09/2023	11/04/2024
BOJ	Nhật Bản	0.10%	0.00 %	19/03/2024	NA
PBoC	Tr/Quốc	3.45%	3.55 %	22/08/2022	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	07/05/2024
BoE	Anh	5.00%	4.50%	22/06/2023	09/05/2024
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25 %	13/01/2023	12/04/2024
BI	Indonesia	6.00%	5.75%	19/10/2023	25/04/2024
BNM	Malaysia	2.75%	2.50%	03/11/2022	09/05/2024
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	10/04/2024
CBR	Nga	16.00%	15.00%	15/12/2023	15/04/2024

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo W	+/_% theo M	+/_% YoY
EURUSD	1.08363	0.40%	-0.56%	-0.77%
GBPUSD	1.26376	0.12%	-0.72%	1.60%
AUDUSD	0.65787	0.88%	0.24%	-1.38%
USDJPY	151.612	0.20%	1.50%	15.07%
USDCNY	7.24699	-0.12%	0.52%	5.30%
USDCAD	1.35885	0.38%	0.56%	0.72%
USDRUB	92.5000	-0.08%	1.93%	15.34%
USDKRW	1350.91	0.43%	1.65%	2.46%
DXY	104.286	-0.25%	0.89%	2.42%
USDTHB	36.5700	0.55%	2.72%	7.27%
USDSGD	1.34867	-0.04%	0.74%	1.42%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% W	+/_% M	+/_% YoY
United States	4.4000	0.19%	0.30%	1.11%
United Kingdom	4.1000	0.01%	0.11%	0.67%
Japan	0.7720	0.05%	0.06%	0.30%
Australia	4.2020	0.13%	0.22%	1.01%
Germany	2.4040	0.11%	0.07%	0.22%
China	2.2930	-0.02%	-0.07%	-0.57%
Singapore	3.2200	0.11%	0.17%	0.45%
South Korea	3.4310	0.02%	0.05%	0.15%
Taiwan	1.4750	0.03%	0.30%	0.24%
Thailand	2.5840	0.06%	0.02%	0.04%
Vietnam	2.8330	0.09%	0.41%	-0.77%
Hong Kong	3.7650	0.07%	0.02%	0.91%
Indonesia	6.7230	0.02%	0.08%	0.05%
Malaysia	3.9040	0.04%	0.06%	-0.04%
Philippines	6.5040	0.18%	0.17%	0.35%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 W	+/_% 1 M	+/_% YTD	+/_% 1Y	+/_% 3Y
Dow Jones	-2.27%	+0.29%	+3.22%	+16.18%	+16.32%
S&P 500	-0.95%	+0.91%	+9.11%	+26.78%	+27.56%
Nasdaq	-0.80%	-0.15%	+8.24%	+34.42%	+18.70%
DAX	-1.78%	+1.80%	+8.43%	+16.45%	+19.69%
FTSE 100	-0.52%	+2.84%	+2.30%	+2.19%	+14.90%
CAC 40	-1.76%	+0.56%	+6.87%	+10.06%	+31.49%
Euro Stoxx 50	-1.38%	+0.79%	+10.87%	+16.33%	+26.70%
Nikkei 225	-3.37%	-1.49%	+16.57%	+41.76%	+31.21%
Shanghai	+0.92%	+1.38%	+3.17%	-7.76%	-11.79%
Hang Seng	+1.10%	+3.04%	-1.90%	-17.74%	-41.68%
SET	-0.17%	+0.25%	-2.84%	-12.78%	-11.63%
KOSPI	-1.18%	+2.52%	+2.22%	+8.99%	-13.49%
IDX Com	+0.37%	-1.15%	+0.22%	+7.31%	+20.75%
PSEi	-2.29%	-1.34%	+4.58%	+3.96%	+1.41%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Crude Oil USD/Bbl	86.777	4.39%	10.67%	7.56%
Natural gas USD/MMBtu	1.7849	1.89%	-13.86%	-11.24%
Gasoline USD/Gal	2.7732	1.92%	8.98%	-1.43%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2329.52	3.52%	8.44%	16.01%
Silver USD/t.oz	27.488	9.58%	13.77%	9.93%
Lithium CNY/T	109500	1.86%	0.92%	-49.66%
Platinum SD/t.oz	940.30	3.55%	3.63%	-6.66%

3. Khoáng sản	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Copper USD/Lbs	4.2417	5.67%	9.59%	5.36%
Steel CNY/T	3331.00	-4.88%	-10.00%	-17.39%
Iron Ore USD/T	102.00	-1.45%	-12.07%	-16.05%
Aluminum USD/T	2456.00	3.19%	9.89%	5.25%
Tin USD/T	28395	3.16%	5.82%	13.60%
Zinc USD/T	2630.00	6.07%	5.43%	-5.36%
Nikel USD/T	17543	5.89%	0.10%	-22.00%
Coal USD/T	128.20	-0.70%	-6.73%	-35.25%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 06/4/2024

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

<p>Tăng trưởng kinh tế toàn cầu</p> <p>Mỹ: Thị trường lao động vẫn mạnh mẽ, thất nghiệp giảm như dự báo, thương mại hàng hóa hồi phục nhanh</p> <p>Tháng 3/2024, kinh tế Mỹ có thêm 303,000 việc làm, cao hơn nhiều so với mức dự báo 200,000 và cũng cao hơn mức 270,000 của tháng 2 (đã điều chỉnh).</p> <p>Tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống 3,8% như dự báo của các chuyên gia, dù tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tăng lên 62,7% (tăng 0,2 điểm phần trăm so với tháng 2/2024).</p> <p>Thương mại hàng hóa hồi phục mạnh, xuất nhập khẩu đạt kỷ lục</p> <p>Xuất khẩu: +2,3% đạt kỷ lục 263 tỷ USD</p> <p>Nhập khẩu: +2,2% đạt gần 332 tỷ USD, cao nhất kể từ tháng 10/2022.</p>	<p>Việc làm tạo thêm cao hơn nhiều so với dự báo</p> <p>2024 Mar 303K</p>
<p>Khu vực EURO: Lạm phát bất ngờ chậm lại, thấp hơn dự báo trong tháng 3 (tháng 3/tháng 2/dự báo)</p> <p>YoY: +2,4%/2,4%/2,6% (yoy)</p> <p>MoM: +0,8%/0,6%</p> <p>Lạm phát lõi chậm lại còn 2,9%, dưới mức dự báo (3%) và là mức thấp nhất kể từ 2/2022.</p> <p>Giá sản xuất (PPI) tháng 2/2024 giảm mạnh nhất trong vòng 9 tháng</p> <p>YoY: -8,3%/-8%/-8,6%</p> <p>MoM: -1%/-0,9%/dự báo giảm 0,7%.</p> <p>Thất nghiệp ở mức thấp kỷ lục</p> <p>Tỷ lệ thất nghiệp tháng 2/2024 xuống thấp ở mức 6,5%, tương đương tháng trước và cao hơn dự báo 6,4%. Tháng 3/2023, thất nghiệp ở mức 6,6%.</p> <p>Trong khu vực, Tây Ban Nha có mức cao nhất 11,5%, Đức có mức thấp nhất 3,2%.</p> <p>Theo S&P, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong tháng 3/2024 lần đầu tiên tăng trưởng kể từ tháng 5/2023 khi Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tổng hợp tăng lên 50,3 trong tháng 3/2024, so với mức 49,2 của tháng 2/2024, trong khi mức ước tính sơ bộ là 49,9.</p>	<p><i>Nguồn: BLS/S&P/Tradingeconomics</i></p> <p>Lạm phát thấp hơn dự báo</p> <p>EA Inflation Rate - percent</p> <p>Source: tradingeconomics.com EUROSTAT</p> <p><i>Tuy nhiên, vẫn còn có những yếu tố kìm tích cực:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> *Doanh số bán lẻ tính đến tháng 2/2024, giảm nhiều hơn dự kiến (giảm 0,5% m/m và giảm 0,7% y/y tạo chuỗi giảm 17 tháng liên tiếp. * Giá nhà đến cuối năm ngoài giảm 1,1% y/y – đánh dấu 3 quý liên tiếp giảm (quý 3/2023 giảm 2,2%). * Chỉ số Nhà quản trị mua hàng PMI lĩnh vực sản xuất điều chỉnh lại lên 46,1 điểm cao hơn so với sơ bộ (45,7). Niềm tin kinh doanh cũng tăng lên mức cao nhất trong gần 1 năm qua, tuy nhiên, kỳ vọng tăng trưởng vẫn khá yếu.
<p>Nhật Bản:</p> <p>Kinh tế Nhật Bản, đến tháng 3/2024, có một số thông tin kinh tế đáng chú ý:</p>	<p><i>Nguồn: Eurostat/Tradingeconomics</i></p>

Chỉ số kinh tế dẫn báo tháng 2/2024 tăng lên 111,8 điểm cao nhất kể từ tháng 8/2022, (tháng trước 109,5 điểm), vượt mức dự báo (111,6), đây cũng là mức điểm cao nhất kể từ tháng 8/2022. Chỉ số này cũng cho thấy, khu vực dịch vụ tăng mạnh nhất trong vòng 7 tháng qua và hoạt động sản xuất, chế tạo giảm ít nhất trong vòng 4 tháng qua.

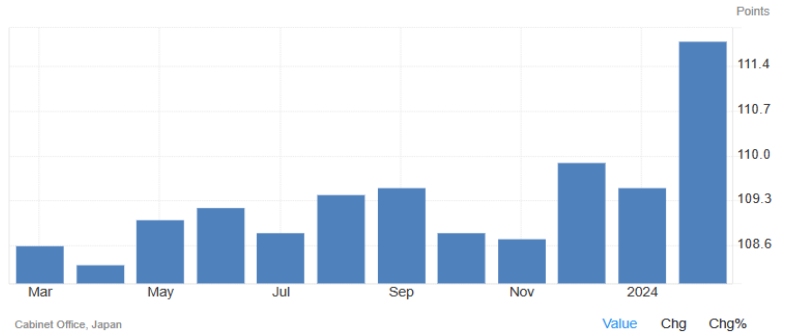
Doanh số bán lẻ tăng vượt dự báo:

+Tăng 4,6% y/y, vượt lên từ mức 2,1% trong tháng trước và kỳ vọng thị trường 3%. So với tháng trước, doanh số bán lẻ tăng 1,5%, so với mức chỉ 0,2% trong tháng 1/2024.

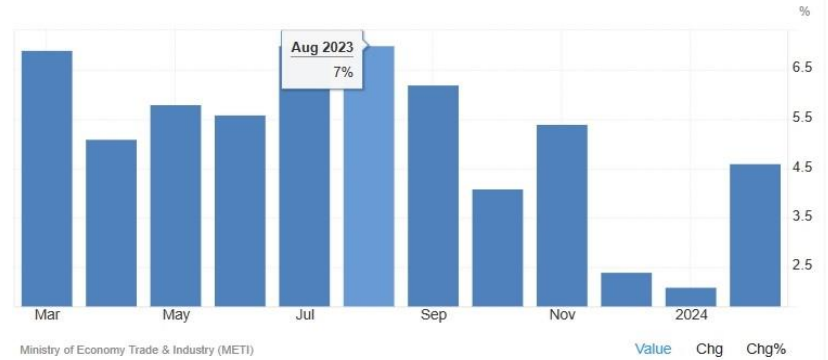
+Bán lẻ đã tăng 24 tháng liên tiếp cho thấy tiêu dùng có chuỗi hồi phục lành mạnh.

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 3/2024 ở mức 48,2 điểm, dưới mức trung bình nhưng đã cao hơn so với tháng trước (47,2 điểm), tâm lý kinh doanh tích cực với hy vọng sự hồi phục trong nước và toàn cầu tiếp tục.

Chỉ số dẫn báo kinh tế tăng cao



Doanh số bán lẻ vượt dự báo



Nguồn: Nikkei/Tradingeconomics

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới có tuần tăng mạnh tới 4%

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay tăng 1,5% lên trên 2.323 USD/oz, sau khi đạt mức cao kỷ lục trên 2.330 USD/oz vào đầu phiên. Giá vàng đã tăng vọt hơn 4% trong tuần này và ghi nhận chuỗi 3 tuần tăng liên tiếp.

Hợp đồng vàng tương lai tăng 1,5% lên gần 2.343 USD/oz.

Giá vàng tăng được thị trường đánh giá bởi nhiều yếu tố: kỳ vọng hạ lãi suất ở Mỹ, hoạt động mua đầu cơ và mua vàng của các NHTW khiến giá vàng tăng lên kỷ lục bất chấp tăng trưởng việc làm mạnh mẽ của Mỹ trong tháng 3/2024, tình hình Trung Đông căng thẳng hơn...

Giá dầu thị trường quốc tế tăng cao nhất 5 tháng

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu WTI tăng 32 cent (tương đương 0,37%) lên 86,91 USD/thùng. Hợp đồng dầu Brent tăng 52 cent (tương đương 0,57%) lên 91,17 USD/thùng.

Dầu WTI tăng vọt 4,5% trong tuần này, còn dầu Brent tăng 4,2%.

Giá dầu tăng lên mức cao nhất trong 5 tháng khi căng thẳng leo thang ở Trung Đông với việc Israel đóng cửa đại sứ quán vì mối đe dọa từ Iran.

Dầu WTI và dầu Brent đã bước vào “điểm giao cắt vàng” (golden cross) trong tuần này, khi đường trung bình động ngắn hạn (50 ngày) cắt lên trên đường trung bình động dài hạn (200 ngày) - Nhà đầu tư thường xem đây là dấu hiệu của động lực tích cực và khả năng tăng giá hơn nữa.

Nguồn: OPEC/Kitco

II. Thị trường tài chính

NHTW các nước

FED: Còn quá sớm quyết định hạ lãi suất

Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) Jerome Powell cho biết các nhà hoạch định chính sách sẽ phải mất một thời gian để đánh giá tình trạng lạm phát hiện tại trước khi đưa ra quyết định chính thức. Điều này khiến thời điểm cắt giảm lãi suất trở nên “khó đoán”.

Ngân hàng Goldman Sachs dự đoán Fed sẽ có 03 lần cắt giảm lãi suất cơ bản trong năm 2024, với lần đầu tiên sẽ diễn ra vào tháng 6.

Sang năm 2025, sẽ có tổng cộng 04 lần cắt giảm lãi suất nữa, cộng thêm một lần cắt giảm vào năm 2026, đưa lãi suất dài hạn của Mỹ về mức ổn định 3,25 - 3,5%.

Nguồn: Bloomberg

<p>BOJ: Sắp đạt được mục tiêu lạm phát Trong cuộc phỏng vấn lần đầu tiên sau khi BOJ tăng lãi suất vào tháng 3/2024, Thống đốc NHTW Nhật Bản, ông Kazuo Ueda cho biết khả năng đạt được mục tiêu lạm phát của BOJ sẽ diễn ra trong khoảng mùa hè đến mùa thu 2024.</p>	<p>Phát biểu tại quốc hội hôm ngày 5/4/2024, Thống đốc K. Ueda vẫn kiên định với quan điểm rằng tỷ giá hối đoái (JPY/USD) là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến lạm phát và nền kinh tế, vì vậy BOJ sẽ theo dõi chặt chẽ.</p>
<p><i>Nguồn: Nikkei</i></p>	

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

<p>I. Kinh tế vĩ mô</p>	
<p>Công điện số 32/CĐ-TTg ngày 5/4/2024 gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về các giải pháp điều hành tăng trưởng tín dụng năm 2024. <i>Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:</i> a) Tiếp tục theo dõi sát diễn biến, tình hình kinh tế thế giới, trong nước, điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả hơn; thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, nhất là về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, giảm mật bằng lãi suất cho vay; chỉ đạo các tổ chức tín dụng hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế truyền thống như tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu và thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo...; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực rủi ro, đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả; tiếp tục có chính sách đột phá các gói tín dụng ưu đãi;... c) Khẩn trương rà soát toàn diện, phân tích, đánh giá kỹ lưỡng kết quả thực hiện hạn mức tín dụng của hệ thống các tổ chức tín dụng đối với nền kinh tế, từng ngành, từng lĩnh vực để theo thẩm quyền và quy định của pháp luật có biện pháp điều hành hạn mức tăng trưởng tín dụng năm 2024 hiệu quả, khả thi, kịp thời hơn nữa;... d) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp phù hợp để giảm mật bằng lãi suất cho vay gắn với tăng cường khả năng tiếp cận vốn tín dụng để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh;...</p>	<p>đ) Chỉ đạo, yêu cầu các tổ chức tín dụng: - Thực hiện công khai mật bằng lãi suất cho vay, việc triển khai các gói tín dụng trước ngày 10/4/2024 theo đúng chỉ đạo của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 134/TB-VPCP ngày 02/4/2024; tổ chức nào không thực hiện thì Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý nghiêm theo thẩm quyền và công khai theo quy định của pháp luật. - Tiếp tục tiết giảm chi phí, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số..., nỗ lực phân đầu giảm mật bằng lãi suất cho vay để góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế cho người dân và không ngừng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp;... - Đẩy mạnh triển khai hiệu quả và bảo đảm công khai, minh bạch các gói tín dụng ưu đãi phù hợp với đặc thù của từng tổ chức tín dụng đối với các lĩnh vực quan trọng góp phần thúc đẩy các động lực tăng trưởng của nền kinh tế theo chủ trương của Chính phủ; e) Chỉ đạo các ngân hàng thương mại nhà nước nghiên cứu ngay việc xây dựng và cung cấp gói tín dụng cho người mua nhà ở xã hội có thời hạn đến 15 năm, lãi suất ưu đãi thấp hơn cho vay thương mại thông thường và cho các doanh nghiệp, các chủ đầu tư xây nhà ở xã hội vay với lãi suất ưu đãi hơn để các đối tượng có thu nhập thấp có cơ hội, động lực để mua nhà hoặc thuận lợi trong việc thuê hoặc thuê mua; tiếp tục nghiên cứu, xem xét hạ mức lãi suất, đơn giản hóa thủ tục, tạo thuận lợi cho việc vay nguồn vốn hỗ trợ 120.000 tỷ đồng phù hợp tình hình thực tiễn theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 123/TB-VPCP ngày 27/3/2024. g) Đẩy mạnh, tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ việc cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng và có giải pháp hiệu quả kịp thời xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng. </p>
<p><i>Nguồn: Chinhphu.vn</i></p>	

<p>Thông tin phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3/2024 Bộ Kế hoạch & Đầu tư đưa ra 2 kịch bản về tăng trưởng kinh tế 2024: <i>Kịch bản 1:</i></p>	<p>Các giải pháp trọng tâm, cụ thể: <i>Thứ nhất</i>, bảo đảm chất lượng, tiến độ các dự án luật, nghị quyết, nội dung trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 7; phối hợp chặt chẽ, từ sớm, từ xa với các cơ quan của Quốc hội để chủ</p>
---	---

<p>Cả năm tăng 6% 9 tháng cuối năm tăng khoảng 6,12%; Quý 2 là 5,85%, quý 3 và 4 lần lượt là 6,22% và 6,28%, đạt mức cận dưới hoặc thấp hơn kịch bản đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP.</p> <p><i>Kịch bản 2:</i> Cả năm tăng 6,5% (cận trên mục tiêu Quốc hội quyết nghị); 9 tháng cuối năm tăng khoảng 6,75%; Quý 2 tăng 6,32%, quý 3 và quý 4 lần lượt là 6,79% và 7,08%. Tăng trưởng các quý cao hơn khoảng 0,1% so với cận trên kịch bản đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP.</p>	<p>động tiếp thu, giải trình, nhất là với những vấn đề thể chế, cơ chế, chính sách, quy định mới, thí điểm, đặc thù.</p> <p><i>Thứ hai</i>, tập trung xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở..., bảo đảm đủ điều kiện để trình Quốc hội cho phép sớm thi hành các luật này trong tháng 7/2024. Các địa phương cần tập trung rà soát, sửa đổi văn bản thuộc thẩm quyền để có thể áp dụng Luật Đất đai ngay sau khi có hiệu lực, nhất là xây dựng bảng giá đất.</p> <p><i>Thứ ba</i>, tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp, chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, sinh kế cho người dân.</p> <p><i>Thứ tư</i>, bảo đảm yêu cầu, tiến độ thực hiện chế độ tiền lương mới kể từ ngày 1/7/2024 theo đúng chủ trương của Trung ương Đảng, nghị quyết của Quốc hội.</p> <p><i>Thứ năm</i>, tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ và làm mới các động lực tăng trưởng về đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu; khai thác tối đa các động lực tăng trưởng mới từ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh...</p>
--	---

Nguồn: chinhphu.vn

HSBC: Tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2024 đạt 6%
Dự báo GDP quý 1 yếu hơn kỳ vọng, HSBC vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng năm 2024 của Việt Nam ở mức 6% nhưng điều chỉnh theo quý do kỳ vọng hoạt động kinh tế sẽ gia tăng mạnh hơn trong 6 tháng cuối năm.
Về lạm phát, HSBC kỳ vọng lạm phát bình quân sẽ neo quanh mức 3,9%, mặc dù tăng nhưng vẫn dưới trần lạm phát của NHNN.

HSBC dự báo tốc độ tăng trưởng, lạm phát và lãi suất điều hành của Việt Nam

		1Q24	2Q24	3Q24	4Q24	1Q25	2Q25	3Q25	4Q25	2024f	2025f
GDP growth (% y-o-y)	new	5.7	6.0	6.2	6.2	6.1	6.4	6.5	7.1	6.0	6.5
	old	6.4	6.2	6.5	5.5	7.5	6.7	6.3	5.8	6.0	6.5
Headline inflation (% y-o-y)		3.8	4.7	3.8	3.1	2.7	2.7	3.0	3.4	3.9	3.0
Policy rate, end-period (%)		4.5	4.5	4.5	4.5	4.5	4.5	4.5	4.5	4.5	4.5

Source: CEIC, HSBC forecasts

HSBC dự báo NHNN sẽ giữ lãi suất chính sách ổn định ở 4,5% cho tới năm 2025.

Nguồn: HSBC

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Tuần 14 (01/04-05/04/2024)
- Lãi suất VND liên ngân hàng có sự phân hóa, và duy trì thấp với kỳ hạn qua đêm.
- Trong tuần NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất ở 4 phiên. Hết tuần, có tổng cộng 1.600 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất tăng từ 2,4%/năm lên 2,7% vào phiên cuối tuần.

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần 1-5/4, lãi suất VND liên ngân hàng tăng mạnh 3 phiên đầu tuần rồi giảm trở lại ở tất cả các kỳ hạn. Chốt ngày 5/4/2024, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 2,58% (-0,20 điểm phần trăm); 1 tuần 2,90% (-0,10 điểm phần trăm); 2 tuần 3,23% (+0,21 điểm phần trăm); 1 tháng 3,75% (+0,45 điểm phần trăm).
- Trên thị trường mở tuần qua, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng 55.000 tỷ đồng, lãi suất ở mức 4,0%. Có 8.465,53 tỷ đồng trúng thầu trong tuần qua.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối

Tuần 14 (01/04-05/04/2024)
- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng.

- Thị trường ngoại tệ trong tuần 1-5/4/2024, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh theo xu hướng tăng. Chốt ngày 5/4, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.038 VND/USD, tăng 35 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

<p>- Chỉ số USD Index đầu tuần lên trên 105 điểm nhưng cuối tuần đã về quanh mốc 104 điểm.</p>	<p>- Sở Giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua USD ở mức 23.400 VND/USD, trong khi giá bán USD cuối tuần được niêm yết ở mức 25.189 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. - Tỷ giá VND-USD liên ngân hàng trong tuần 1-5/4 tăng mạnh các phiên đầu tuần rồi giảm trở lại 2 phiên cuối tuần. Kết thúc phiên 5/4, tỷ giá liên ngân hàng đóng cửa tại 24.960 VND/USD, vẫn tăng mạnh 150 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.</p>
--	--

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp TPCP & TP CBLCP: Tuần 14 (01/04-05/04/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **7.095/14.500** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ là gần 49%. Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với tuần trước: 5 năm - lãi suất 1,5 % (tăng 0,03 điểm % so với tuần 11); 10 năm-lãi suất 2,45 % (tăng 0,03 điểm %); 15 năm-lãi suất 2,65 % (tăng 0,03 điểm %)
Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **87.324** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Thị trường thứ cấp TPCP & TP CBLCP: Tuần 14 (01/04-05/04/2024)

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 9.804 tỷ đồng/phiên, giảm 33.96% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

5 năm	giảm	0.14	điểm%
7 năm	tăng	0.1201	điểm%
10 năm	giảm	0.0981	điểm%
15 năm	giảm	0.2463	điểm%
20 năm	tăng	0.21	điểm%

Tuần qua NĐT NN mua ròng 19.50 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VNĐ)
Tuần 14 (01/04-05/04/2024)	19.50
Tháng 3-2024	-466.035
Q1 - 2024	-911.04
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, không phát sinh giao dịch. Lũy kế từ đầu năm đến 05/04/2024 là 15.110 tỷ VND (có 18 đợt phát hành).

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 15.000 tỷ VND (Khối lượng 52.609). Lũy kế từ khi có sản giao dịch đạt giá trị 240.702 tỷ VND (KL đạt 735.689).

Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số giảm, thanh khoản các sản đạt bình quân 28.935 tỷ đồng/phiên.
VN-Index ở phiên cuối tuần là 1.255,11 điểm (-28,29 điểm; -2,26%) và HNX-Index đóng cửa ở 239,68 điểm (-2,9 điểm; -1,2%) so với phiên cuối tuần trước.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 05/04/2024 là 64,2%, tăng 4,36 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 2.104 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 13.223 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 05/04/2024: 6,688 triệu tỷ VND;
2. GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất: 10,419,5 triệu tỷ VND.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
TTCP	Quyết định 269/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ.	02/4/2024	02/4/2024	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=8
BTC	Quyết định 798/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành kế hoạch triển khai Quyết định 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.	05/4/2024	05/4/2023	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=2
CP	Nghị quyết 38/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về việc thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.	02/4/2024	02/4/2024	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=10
TTCP	Quyết định số 277/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trọng tâm ưu tiên thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.	04/4/2024	04/4/2024	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&mode=1
VPCP	Thông báo số 132/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Diễn đàn Kinh tế hợp tác, hợp tác xã năm 2024.	01/4/2024	01/04/2024	
TTCP	Quyết định số 260/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2024 và Chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2024 – 2026.	31/3/2024	31/3/2024	

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	2. Chính phủ, bộ ngành			
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 Thông tư số 16/2019/TT-NHNN ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.	04/4/2023		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqppl

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
CP	Đề nghị xây dựng Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư	04/4/2024		
BTTTT	Dự thảo Nghị định quy định về cơ sở dữ liệu dùng chung	04/4/2024		
BTTTT	Dự thảo Thông tư quy định công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài; công nhận chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài	01/4/2024		https://luatvietnam.vn/du-thao.html
NHNN	Dự thảo Thông tư hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	04/4/2024		

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA